TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75 /2021/DS-PT
Ngày: 28/12/2021
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ngô Chịu

Các Thẩm Phán: Bà Vũ Ngọc Hà

Ông Mai Tấn Hoàng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Dương Thiện Nam –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đẳng - Kiểm sát viên.

Ngày 28/12/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2021/TLPT-DS ngày 08/9/2021 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất". Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2021/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa bị kháng cáo,theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXX- PT ngày 26/10/2021, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 15/11/2021, ngày 30/11/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồ Trọng T, sinh năm 1926; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị Mỹ H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Ngô Minh T - Văn phòng Luật sư số 1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên; Địa chỉ Số: 265 đường N, phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Hồ Công C, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Tạm trú tại: Thôn Â, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Bà Phan Thị T, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Tạm trú tại: Thôn Â, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2- Ông Hồ Nguyên P, sinh năm 1986; Địa chỉ: Khu phố S, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3- Ông Hồ Nguyên P, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Tạm trú tại: Thôn Â, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

4- Bà Hồ Thị Hồng K, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

5- Bà Hồ Thị N, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

6- Bà Hồ Thị Mỹ H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

7- Ông Hồ Công C, sinh năm 1952; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

8- Bà Hồ Thị Thúy L, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

9- Bà Hồ Thị Thúy N, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên**.** Vắng mặt.

10- Ông Hồ Hoàng H, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

11- Ông Hồ Hoàng H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn P, xã Hòa T, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

12- Ông Hồ Hoàng H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

13- Ông Lê Văn N, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

14/ Anh Lê Ngọc T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

Ông C, bà L, ông H, bà N, ông H, ông H, ông N và ông T đều có giấy ủy quyền cho bà Hồ Thị Mỹ H, theo giấy ủy quyền ngày 10/5/2021.

15/ Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên; Địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên. Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1976, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P, theo giấy ủy quyền ngày 24/3/2021. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)**.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/6/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hồ Trọng T, bà Hồ Thị Mỹ H người đại diện theo ủy quyền và luật sư Ngô Minh T người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cùng trình bày: Nguồn gốc diện tích 580m^2 đất thửa số 758, tờ bản đồ 349B mà nguyên đơn đang quản lý sử dụng là của cha, mẹ nguyên đơn để lại, tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, trong đó có 200m^2 đất ở được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Hồ Trọng T và 380m^2 đất vườn. Trong quá trình sử dụng, ông T tiếp tục kê khai để được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 380m^2 đất vườn thì ông C tranh chấp nên ông T khởi kiện yêu cầu ông C chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và đề nghị Tòa công nhận diện tích 380m^2 đất cho ông T. Tuy nhiên, qua đo đạc hiện trạng đất đang tranh chấp chỉ còn 217,3m^2, nay ông T thống nhất chỉ đề nghị Tòa công nhận cho ông được quyền sử dụng đất với diện tích 217,3m^2. Nếu vợ chồng ông C tự

thỏa thuận giải quyết tình cha con thì ông T chỉ yêu cầu công nhận một nửa diện tích đất nêu trên là 108,65m^2. Đối với nền móng trên diện tích đất tranh chấp do vợ chồng ông C, bà Phan Thị T xây dựng trước đây, ông T đã đồng ý để vợ chồng ông C xây dựng nền móng đó nhưng vào năm nào ông T không nhớ rõ. Việc ông C đứng tên kê khai diện tích đất đang tranh chấp theo Nghị định 64/CP thì ông T không biết và cũng không nhận được Thông báo gì của chính quyền địa phương nên việc ông C đứng tên kê khai đất nêu trên là không hợp pháp. Tại phiên tòa, vợ chồng ông C, bà T cũng không tự thỏa thuận giải quyết với ông T nên ông T đề nghị Tòa công nhận cho ông T được quyền sử dụng với diện tích đất 217,3m^2.

Bị đơn ông Hồ Công C trình bày: Nguyên diện tích 380m^2 đất ông T đang tranh chấp là được ông Hồ Trọng T, bà Lê Thị X cho vợ chồng ông C, bà Phan Thị T vào năm 1986, (bà X chết năm 2013) khi cho đất chỉ nói bằng miệng chứ không lập văn bản nhưng có sự chứng kiến của các anh, chị, em trong gia đình, gồm: Bà Hồ Thị H, bà Hồ Thị Hồng K, ông Hồ Công C, ông Hồ Công C và bà Hồ Thị N. Đến năm 1993, vợ chồng ông C đổ đất, xây móng nhà, tường rào, khoan giếng và trồng cây trên đất; khi thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ, ông C đứng tên kê khai tại sổ địa chính xã H, huyện P, số thửa 758a, tờ bản đồ 349B trong đó có 200m^2 đất ở và 180m^2 đất vườn, trong 180m^2 đất vườn được Nhà nước cân đối cho hộ gia đình ông C có 05 nhân khẩu, gồm: ông Hồ Công C, bà Phan Thị T cùng các con là Hồ Nguyên P, Hồ Nguyên P và Hồ Nhâm T (chết năm 2011), hộ gia đình ông C sử dụng đất ổn định, không ai tranh chấp và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ. Ông C không đồng ý yêu cầu khởi kiện và cũng không tự thỏa thuận giải quyết với ông T.

Ngày 06/01/2021, ông C có đơn phản tố yêu cầu Tòa công nhận diện tích 380m^2 đất thửa số 758a, tờ bản đồ 349B, thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông C. Tuy nhiên, qua đo đạc theo hiện trạng thì diện tích đất này chỉ còn 217,3m^2, giảm 162,7m^2 là do các hộ liền kề lấn chiếm nhưng ông C không yêu cầu Tòa giải quyết. Ông C thống nhất chỉ đề nghị Tòa án công nhận cho vợ chồng ông C diện tích 217,3m^2 đất đo đạc thực tế theo hiện trạng. Ngoài ra, ông C không có tranh chấp, không yêu cầu ông T trả lại giá trị hàng rào lưới B40 và cây cối mà vợ chồng ông C đã tạo dựng trên lối đi vào nhà ông T.

Đối với việc trước đây, Ủy Ban nhân dân huyện P có hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông C diện tích 200m^2 đất ở tại số thửa 758, tờ bản đồ 349B để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T thì ông C không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Phan Thị T, anh Hồ Nguyên P, anh Hồ Nguyên P thống nhất như lời trình bày của bị đơn ông Hồ Công C.

Bà Hồ Thị Hồng K, bà Hồ Thị N cùng trình bày: Vợ chồng ông Hồ Trọng T, bà Lê Thị X (chết năm 2013) sinh được 06 người con, gồm: Ông Hồ Công C (chết năm 2015), bà Hồ Thị H (chết năm 2005), ông Hồ Công C, ông Hồ Công C, bà Hồ Thị Hồng K, bà Hồ Thị N. Vào năm nào không nhớ rõ, khi đó bà X còn sống thì ông T, bà X có nói cho vợ chồng ông C, bà T diện tích đất trước mặt nhà của ông T, bà X (cha, mẹ) mà hiện nay các bên đang tranh chấp, cùng với sự chứng kiến của tất cả các anh,

chị, em trong gia đình, do ông C là con trai út nên vợ chồng ông C, bà T ở chung nhà với ông T, bà X (cha, mẹ). Sau đó, vợ chồng ông C, bà T xây dựng nền móng nhà và hàng rào trên diện tích đất được ông T, bà X (cha, mẹ) tặng cho và không có ai tranh chấp gì nhưng kể từ ngày bà X chết thì không biết lý do gì mà ông T với vợ chồng ông C, bà T xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng ông C không ở chung với ông T được nên đi nơi khác ở, còn ông T đòi lại diện tích đất đã cho vợ chồng ông C. Nay bà K, bà N không đồng ý việc ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận cho ông T được quyền sử dụng 217,3m^2 đất theo hiện trạng đo đạc. Vì diện tích đất này đã cho vợ chồng ông C. Hơn nữa, các anh, em như ông C, ông C cũng được ông T, bà X (cha, mẹ) cho đất ở riêng. Tại phiên tòa bà N khai nhận bà là con gái nhưng cũng được ông T, bà X (cha, mẹ) cho diện tích đất bà đang ở hiện nay. Do đó, bà K, bà N đề nghị Tòa án công nhận cho vợ chồng ông C, bà T được quyền tiếp tục sử dụng diện tích 217,3m^2 đất theo hiện trạng đo đạc.

Bà Hồ Thị Mỹ H, đồng thời là người được ủy quyền của ông Hồ Công C, chị Hồ Thị Thúy L, anh Hồ Hoàng H, chị Hồ Thị Thúy N, anh Hồ Hoàng H, anh Hồ Hoàng H, anh Lê Văn N và anh Lê Ngọc T, trình bày: Thống nhất như lời trình bày của ông Hồ Trọng T và luật sư Ngô Minh T, đề nghị Tòa án công nhận cho ông T được quyền sử dụng diện tích 217,3m^2 đất, tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Tại biên bản xác minh ngày 20/5/2021, Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên cung cấp nội dung: Từ năm 2005 Ủy ban nhân dân huyện P đã ban hành Quyết định số 4430/QĐ- UBND ngày 09/10/2015 về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hồ Công C có số phát hành A301511, do Uỷ ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng quy định tại thửa đất số 758, tờ bản đồ 349B với diện tích 200m^2 loại đất ở nông thôn. Đối với thửa số 758a, tờ bản đồ 349B do ông Hồ Công C đứng tên kê khai tại sổ địa chính của Uỷ ban nhân dân xã H với diện tích 380m^2 trong đó đất thổ cư 200m^2, đất vườn quy hoạch thổ cư 180m^2 chưa được cấp sổ đỏ cho bất kỳ hộ nào.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2021/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Phú Hòa đã quyết định:

Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Áp dụng Điều 100, Điều 101, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 164, Điều 166 Bộ luật dân sự 2015.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Trọng T đối với yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đo đạc thực tế 217,3m^2, tại thửa số 758a, tờ bản đồ 349B; Tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Hồ Công C Công nhận cho vợ chồng ông Hồ Công C, bà Phan Thị T được quyền sử dụng diện tích đất ở 217,3m^2 (*Hai trăm mười bảy phẩy ba mét vuông*), thuộc thửa 758a, tờ bản đồ 349B; Tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Gắn liền với tài sản là vật kiến trúc trên đất, có giới cận phía đông giáp mương và đường đi, phía tây giáp đất ông Hồ Trọng T, phía nam giáp đất ông Hồ Trọng T phía bắc giáp nhà đất anh Hồ Hoàng H (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí định giá và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04 tháng 7 năm 2021, nguyên đơn ông Hồ Trọng T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Hồ Trọng T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn ông Hồ Công C giữ nguyên yêu cầu phản tố và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên lời trình bày.

Ý kiến của kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa tiến hành tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Mặc dù, một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Xét sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, nên chấp nhận ý kiến của các đương sự và Kiểm sát viên, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Hồ Trọng T đề nghị Tòa án công nhận cho ông T được quyền sử dụng diện tích 217,3m^2 đất theo đo đạc thực tế hiện trạng và yêu cầu bị đơn ông Hồ Công C chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối tượng tranh chấp của các bên: 380m^2 đất. Tuy nhiên, qua đo đạc hiện trạng đất đang tranh chấp chỉ còn 217,3m^2, thuộc thửa 758a, tờ bản đồ 349B; Tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, có giới cận: phía đông giáp mương và đường đi, phía tây giáp đất ông Hồ Trọng T, phía nam giáp đất ông Hồ Trọng T, phía bắc giáp nhà đất anh Hồ Hoàng H, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như cấp phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất về nguồn gốc đất là của cha, mẹ nguyên đơn ông Hồ Trọng T để lại nhưng vợ chồng ông T, bà X (lúc còn sống) đã cho vợ chồng ông C nên vợ chồng ông C, bà T đổ đất nâng mặt bằng, xây dựng nền móng nhà**,** tường rào, khoan giếng, trồng cây trên đất, được Nhà nước cân đối giao cho hộ gia đình ông C sử dụng ổn định và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ; khi thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ, ông Hồ Công C đứng tên đăng ký kê khai tại sổ địa chính xã H, diện tích 380m^2, trong đó 200m^2 đất ở, 180m^2 đất vườn, thuộc thửa số758a, tờ bản đồ số 349B, có sự chứng kiến của anh, chị, em trong gia đình, không có ai tranh chấp và được các người con của ông T là bà Hồ Thị Hồng K, bà Hồ Thị N đều thừa nhận.

[4] Theo biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện P ngày 18/12/2020, có kèm theo sơ đồ bản vẽ hiện trạng diện tích đất tranh chấp chỉ còn 217,3m^2. Theo hạn mức đất ở nông thôn trên địa bàn huyện P tại thời điểm đo đạc thì mỗi hộ gia đình được Nhà nước cân đối 250m^2 đất ở, do diện tích 217,3m^2 đất đang tranh chấp thấp hơn hạn mức đất ở được cân đối cho mỗi hộ gia đình tại địa phương nên diện tích 217,3m^2 đất tranh chấp được xác định là đất ở. Đối với diện tích đất bị giảm 162,7m^2 so với diện tích 380m^2 mà ông Hồ Công C đứng tên đăng ký kê khai tại sổ địa chính xã H, thuộc thửa số758a, tờ bản đồ số 349B, do có sự biến động trong quá trình sử dụng đất, các hộ liền kề lấn chiếm nhưng ông C, các bên đương sự không có ai tranh chấp và đều thống nhất hiện trạng đo đạc thực tế chỉ còn diện tích 217,3m^2 đất gắn liền với nền móng nhà.

[5] Mặt khác, qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Hòa T, huyện P và Ủy ban nhân dân huyện P đều cung cấp nội dung: Vợ chồng ông C, bà T có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Ông Hồ Công C đứng tên chủ hộ kê khai tại sổ địa chính xã H diện tích 380m^2 đất. Tuy nhiên, qua đo đạc hiện trạng chỉ còn 217,3m^2 đất tranh chấp tại thửa số 758a, tờ bản đồ số 349B, tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vợ chồng ông C, bà T sử dụng đất ổn định,việc vợ chồng ông C, bà T xây dựng nền móng nhà trên đất tranh chấp cũng được các bên đương sự thống nhất tại biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá huyện P vào ngày 18/12/2020. Từ những căn cứ trên, thấy rằng nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Hồ Trọng T là không có căn cứ chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng do ông T là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 100, Điều 101, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 164, Điều 166 Bộ luật dân sự 2015; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Trọng T đối với yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất, diện tích đo đạc thực tế 217,3m^2, tại thửa số 758a, tờ bản đồ 349B; Tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Hồ Công C. Công nhận cho vợ chồng ông Hồ Công C, bà Phan Thị T được quyền sử dụng diện tích đất ở 217,3m^2 (*Hai trăm mười bảy phẩy ba mét vuông*), thuộc số thửa 758a, tờ bản đồ 349B; Tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Gắn liền với tài sản là vật kiến trúc trên đất, có giới cận phía đông giáp mương và đường đi, phía tây giáp đất ông Hồ Trọng T, phía nam giáp đất ông Hồ Trọng T, phía bắc giáp nhà đất anh Hồ Hoàng H (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Về án phí: Ông Hồ Trọng T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự phúc thẩm. Do đó, hoàn trả cho ông T 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, tại biên lai thu tiền số 0002809 ngày 03/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Hoàn trả cho ông Hồ Công C 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0003071 ngày 21/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Về lệ phí định giá tài sản: Ông Hồ Trọng T và vợ chồng ông Hồ Công C, bà Phan Thị T mỗi bên phải chịu 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tiền chi phí định giá tài sản. Ông Hồ Trọng T đã nộp 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản. Do đó, vợ chồng Hồ Công C, bà Phan Thị T phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Hồ Trọng T 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên(2);
- TAND huyện Phú Hòa(2);
- CC THADS huyện Phú Hòa;
- P.NVKT;
- Các đương sự; Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Chịu